TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **41**/2019/HS-ST
Ngày: 04/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Kim Hoàng.

Ông Trần Đức Nhì.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Ngọc Hoàng H; Sinh ngày: 25/11/1990; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 402/21 đường HG, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn T3 và bà: Võ Ngọc T4; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 14/02/2019.

Nhân thân: Ngày 15/11/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 12 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 303/2018/QĐ-TA).

(có mặt)

- Bị hại:

Ông Nguyễn Minh D; Sinh năm: 1999; Thường trú: Ấp 10, xã MTN, huyện CL, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: Phòng trọ số 28, nhà số 63 đường số 46, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Thanh T; Sinh năm: 1991; Thường trú: Ấp 10, xã MTN, huyện CL, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: Phòng trọ số 28, nhà số 63 đường số 46, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Ông Đoàn Lương Bảo L (Nguyên); Sinh năm: 1989; Thường trú: 06 (khu tập thể Ga) đường LL, Phường C, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 63/5 đường PTH, Phường G, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Thiên Hải Đ; Sinh năm: 1995; Thường trú: 20/72 đường CB, Phường A, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 161/3D (số mới: 19/51/4) đường CB, Phường A, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Duy T1; Sinh năm: 1984; Trú tại: 125/10 đường XVNT, Phường Z, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

5. Ông Trần Văn T2; Sinh năm: 1976; Trú tại: 336/53 đường NVL, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

6. Ông Trần Quốc B; Sinh năm: 1982; Trú tại: Ấp 7, xã TT, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước.

(vắng mặt)

7. Ông Trần Xuân G; Sinh năm: 1984; Trú tại: Thôn TX, xã GV, huyện CT, tỉnh Lâm Đồng.

(vắng mặt)

8. Ông Lê Văn T3; Sinh năm: 1962; Trú tại: 402/21 đường HG, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

9. Hộ kinh doanh cầm đồ CD; Địa chỉ: 649 đường PVT, Phường G, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện Hộ kinh doanh: Bà Lê Thị Hồng H1; Sinh năm: 1968; Thường trú: E/1 đường NTS, Phường G, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 265/77 đường NTS, Phường G, quận GV„ Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Văn D; Sinh năm: 1989; Trú tại: xã EP, huyện KP, tỉnh Đăk Lăk.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng mối quan hệ bạn bè, quen biết, Lê Ngọc Hoàng H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Minh D bán lấy tiền tiêu xài và mua ma

túy sử dụng. Để thực hiện ý định, khoảng 19 giờ ngày 11/8/2018, H điện thoại rủ ông D đi ăn. Sau khi đồng ý, ông D chạy xe gắn máy biển số 49M5-3684 đến trước siêu thị Phú Lâm đón H rồi cả hai cùng đi ăn tại quán số 93 đường số 10, Phường 13, Quận 6. Tại đây, H hỏi ông D mượn chiếc xe để đi công việc. Tin thật, ông D đã giao xe cho H. H lấy xe chạy đến tiệm game bắn cá trên đường T10, phường BTĐB, quận BT bán cho một người tên Nam (không rõ lai lịch) lấy 1.000.000 đồng tiêu xài.

Ngày 13/8/2018, H nói dối với ông D là xe bị Công an tạm giữ, đồng thời kêu ông Duy đưa 1.500.000 đồng chuộc xe nhằm chiếm đoạt số tiền này. Đến 11 giờ cùng ngày, ông D đến điểm hẹn tại quán cà phê đầu hẻm 468 đường NVL, Phường L, Quận F gặp H và nói không có tiền. Nghe vậy, H kêu ông D đưa điện thoại để H gọi cho bạn hỏi mượn tiền rồi cùng đi chuộc xe. Ông D liền đưa chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F3 cho H. H cầm điện thoại giả vờ gọi cho bạn rồi đi vào trong hẻm 468 đường NVL tẩu thoát. Sau đó, H đem chiếc điện thoại của ông D cầm cho ông Trần Văn T2 lấy 1.500.000 đồng tiêu xài.

Đến ngày 01/9/2018, H tiếp tục nhắn tin kêu ông D đem tiền đến quán cà phê TM tại địa chỉ 389 đường NVL, Phường L, Quận F đưa H đi chuộc xe, ông D đồng ý. Sau đó, ông D kể lại toàn bộ sự việc cho anh ruột là ông Nguyễn Thanh T nghe. Ông T liền nhờ các ông Bùi Đức Tâm L2, Đoàn Lương Bảo L, Nguyễn Thiên Hải Đ đến quán cà phê Thủy Mộc hỗ trợ ông Tú bắt H giao Công an xử lý, các ông Linh, Lâm, Đăng đều đồng ý. Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 03/9/2018, tại quán cà phê Thủy Mộc, sau một hồi nói chuyện với H, ông Duy đứng dậy cặp cổ H vật xuống. H vùng vẫy định bỏ chạy thì bị các ông L2, L22m, Đ xông vào khống chế. Ông T đứng bên ngoài thấy vậy chạy vào rút còng số 8 ra còng tay H lại. Cùng lúc, Công an Phường L, Quận 6 trên đường tuần tra phát hiện H bị còng liền đưa tất cả về trụ sở Công an phường làm việc.

Tại Công an Phường L, Quận 6 cũng như tại Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Lê Ngọc Hoàng H đều khai nhận nội dung như đã nêu trên.

Bị hại và người làm chứng khai cũng tương tự.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã thu hồi chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F3 màu đồng trả cho ông Nguyễn Minh D. Riêng chiếc xe gắn máy biển số 49M5-3684 không thu hồi được.

Tại các Văn bản số: 1594/TCKH ngày 05 tháng 10 năm 2018 và số: 1959/TCKH ngày 07 tháng 12 năm 2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6 thống nhất giá như sau:

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo F3 màu đồng, Imei 1: 863660031367474, Imei 2: 863660031367466, có giá là: 3.000.000 đồng.

+ 01 xe gắn máy nhãn hiệu Wave Fuski, biển số 49M5-3684, số khung: 7MN6H009373, số máy: 2FMH20009373, có giá là: 1.700.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Thanh T, tuy có hành vi tàng trữ, sử dụng công cụ hỗ trợ là còng số 8. Tuy nhiên, ông T chưa bị kết án về tội «Tàng trữ, sử dụng công cụ hỗ trợ» cũng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này, nên ngày

28/3/2019 Công an Quận 6 đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính ông Nguyễn Thanh T 3.000.000 đồng về hành vi tàng trữ, sử dụng công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép (Quyết định số: 0004234/QĐ-XPVPHC).

Đối với các ông Nguyễn Thanh T, Bùi Đức Tâm L2, Đoàn Lương Bảo L, Nguyễn Thiên Hải Đ, có hành vi bắt giữ Lê Ngọc Hoàng H là vi phạm pháp luật, nhưng hành vi này chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với ông Trần Văn T2, tuy có hành vi cầm chiếc điện thoại động hiệu Oppo F3 từ Lê Ngọc Hoàng H, nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Cáo trạng số: 46/CT-VKS ngày 22 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Ngọc Hoàng H về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc Hoàng H khai nhận chính bị cáo với ý định phạm tội có từ trước đã thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc gắn máy (loại xe Wave Trung Quốc, sơn màu xanh đen, bị cáo không nhớ biển số) và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F3 màu vàng đồng của ông Nguyễn Minh D như nội dung bản cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Ngọc Hoàng H như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Lê Ngọc Hoàng H từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» theo khoản 1 Điều 174; điểm h, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Buộc bị cáo nộp lại 1.000.000 đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Nguyễn Minh D không yêu cầu, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo Lê Ngọc Hoàng H nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Lê Ngọc Hoàng H tại phiên tòa với Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; lời khai của bị hại Nguyễn Minh D, của ông Trần Văn T2 và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Ngọc Hoàng H đã phạm tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Lê Ngọc Hoàng H đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản bằng cách giả vờ điện thoại rủ ông Nguyễn Minh D đi ăn, sau đó bị cáo hỏi ông D mượn xe để đi công việc. Tin thật, ông D đã giao chiếc gắn máy nhãn hiệu Wave Fuski, biển số 49M5-3684 trị giá 1.700.000 đồng cho bị cáo và bị cáo đã chiếm đoạt chiếc xe này đem bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, bị cáo nói dối với ông D là xe bị Công an tạm giữ, đồng thời kêu ông D đưa tiền chuộc xe. Khi biết ông D không có tiền, bị cáo đã kêu ông D đưa điện thoại để bị cáo gọi cho bạn hỏi mượn tiền chuộc xe trả ông D. Ông Duliền đưa chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F3 màu đồng trị giá 3.000.000 đồng cho bị cáo, bị cáo cầm điện thoại giả vờ gọi cho bạn rồi tẩu thoát cùng chiếc điện thoại. Hành vi này của bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo Lê Ngọc Hoàng H về tội: «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ và đúng pháp luật.

Bị cáo Lê Ngọc Hoàng H là người đã trưởng thành, hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài, chơi game và mua ma túy sử dụng để thỏa mãn cơn nghiện mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, liên tiếp cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Bị cáo Lê Ngọc Hoàng H đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt xe gắn máy và điện thoại di động của ông Nguyễn Minh D, nhưng do trị giá chiếc xe gắn máy dưới hai triệu đồng, nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự «Phạm tội 02 lần trở lên» đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Bị cáo có nhân thân xấu, đó là ngày 15/11/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 6 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 12 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lê Ngọc Hoàng H tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành, việc bị cáo bị phát hiện bắt giữ là hoàn toàn ngoài ý muốn của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (tài sản có giá thấp và phần lớn đã được thu hồi trả bị hại); phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo. Sau sự việc xảy ra, gia đình bị cáo cũng đã hoàn trả cho ông Trần Văn T2 1.500.000 đồng, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì bị cáo Lê Ngọc Hoàng H còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Xét bị cáo không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Việc bồi thường thiệt hại: Ngày 23/4/2018, cha của bị cáo Lê Ngọc Hoàng H là ông Lê Văn T3 đã tự nguyện hoàn trả cho ông Trần Văn T2 1.500.000 đồng, là tiền mà ông Thuận bỏ ra cầm chiếc điện thoại từ bị cáo (theo Biên bản thương lượng ngày 27/12/2018 - BL138), do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Riêng ông Nguyễn Minh D đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F3 màu đồng (theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 18/02/2019 - BL134). Đối với chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Wave Fuski, biển số 49M5-3684 không thu hồi được, nhưng ông D không yêu cầu bồi thường (theo Biên bản ghi lời khai ngày 19/3/2019 - BL238, 239), do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Việc xử lý vật chứng: Chiếc xe gắn máy biển số 59E1-811.80 thu giữ của ông Nguyễn Thiên Hải Đ, chiếc xe gắn máy biển số 59V2-663.74 thu giữ của ông Đoàn Lương Bảo L, chiếc xe gắn máy biển số 59S1-772.86 thu giữ của ông Nguyễn Thanh T, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại các ông này (theo ba Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu cùng ngày 23/3/2019 - BL135, 136, 137), do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Đối với ông Nguyễn Thanh T, tuy có hành vi tàng trữ, sử dụng công cụ hỗ trợ là còng số 8, nhưng ông T chưa bị kết án về tội «Tàng trữ, sử dụng công cụ hỗ trợ», cũng như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này và ngày 28/3/2019, Công an Quận 6 đã xử lý hành chính xong cùng với tang vật là 01

còng số 8, 01 dùi cui 3 khúc, 01 chìa khóa bằng kim loại màu vàng, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với các ông Nguyễn Thanh T, Bùi Đức Tâm Linh, Đoàn Lương Bảo L, Nguyễn Thiên Hải Đ, Viện kiểm sát xác định không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi bắt giữ người trái pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với ông Trần Văn T2, là người có hành vi cầm chiếc điện thoại động hiệu Oppo F3 màu đồng từ bị cáo Lê Ngọc Hoàng H, nhưng ông T2 không biết rõ đó là tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn người tên Nam, Cơ quan điều tra không xác định được lai lịch, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc Hoàng H khai sau khi chiếm đoạt chiếc xe gắn máy của ông Nguyễn Minh D, bị cáo đem bán cho một người tên Nam (không rõ lai lịch) ở tiệm game bắn cá trên đường T10, quận BT lấy 1.000.000 đồng tiêu xài. Mặc dù, ông D không yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông trị giá chiếc xe này, nhưng xét đây là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội, nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[11] Bị cáo Lê Ngọc Hoàng H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Lê Ngọc Hoàng H** phạm tội: «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản».

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm h, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Lê Ngọc Hoàng H** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 14/02/2019.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Ngọc Hoàng H nộp lại 1.000.000 (một triệu) đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Ngọc Hoàng H phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người pH thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Lê Ngọc Hoàng H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên